

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 935/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm: 1968; ĐKTT: 136/5 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 171/5 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966; địa chỉ: 136/5 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà L qua thời gian tìm hiểu, phát sinh tình cảm rồi tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Do gia đình bên bà L không đồng ý nên ông và bà L không có tổ chức đám cưới và vì không am hiểu pháp luật nên không có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994. Thời gian sống chung ông và bà L thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau từ việc bà L thường xuyên tham gia cờ bạc, đi chơi qua đêm, tài sản có trong gia đình bà L cũng đem bán để chơi cờ bạc ông đã nhiều lần khuyên giải và tha thứ nhưng bà L không sửa đổi. Do tình cảm không còn, ông đã ra ở riêng và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà L, trường hợp tòa xét thấy hôn nhân của ông và bà L không hợp pháp thì đề nghị giải quyết cho ông được chấm dứt mối quan hệ sống chung như vợ chồng với bà L.

- Về con chung: 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994 hiện đã trưởng thành, tự tạo lập được cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung Biên bản ngày 14/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Bà và ông Võ Văn H trước đây do quen biết rồi yêu thương nhau, do gia đình bên cha mẹ bà không đồng ý việc bà thương ông H nên cả hai tự về sống chung với nhau như vợ chồng mà không có tổ chức lễ cưới và cũng không tiến hành đăng ký kết hôn. Bà và ông H sống chung với nhau từ khoảng năm 1990, có với nhau 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994 đều đã trưởng thành.

Trong quá trình sống chung bà và ông H không có cự cãi gì nhau, chỉ có việc vào khoảng năm 2018 con trai của ông bà là anh Nguyễn Nhật T có nợ tiền cờ bạc của người khác vì sợ con bị hành hung nên bà có tự ý lấy tiền là tài sản chung của bà và ông H đem trả nợ cho anh T nên ông H không đồng ý, không nghe bà giải thích mà tự ý bỏ về nhà mẹ ruột của ông sinh sống khoảng 02 tháng nay.

Nay ông H có yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý vì bà còn thương ông H, hiện ông H đang có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông ùng sai quấy với bà chứ bà không có lỗi gì với ông H. Về con chung: 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994 đều đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H thì ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về hôn nhân: qua trình bày của ông H và bà L Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đều thống nhất ông bà sống chung với nhau từ năm 1990 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời trình bày này của ông H và bà L cũng phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre về việc ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận, là nơi cư trú của ông H và bà L từ trước đến nay. Xét việc ông H và bà L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy nay ông H có yêu cầu ly hôn với bà L, mặc dù bà L không đồng ý ly hôn với ông H nhưng căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà L là phù hợp.

[4] Về con chung: trong quá trình sống chung ông H và bà L có 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994 đều đã trưởng thành; ông H và bà L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông H và bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: ông H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11, Điều 17, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L.

2. *Về con chung:* 02 con chung Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 10/9/1991 và Nguyễn Nhật H, sinh ngày: 07/8/1994 đều đã trưởng thành; ông H và bà L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* ông H và bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001727 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung

